

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2021

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Vinh;

Ông Lò Văn Quốc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 10-8-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2021/TLST- HNGĐ ngày 26-4-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08-7-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27-7-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 02-8-2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn N; sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Bản NV, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lò Thị B; sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản NV, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, huyện Thuận Châu, Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23-4-2021, Bản tự khai và lời khai bổ sung tại phiên tòa. Nguyên đơn anh Lò Văn N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh Lò Văn N và chị Lò Thị B lấy nhau từ ngày 27-11-2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, đã sống ly thân. Nay anh Lò Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Lò Văn N được ly hôn với chị Lò Thị B.

- *Về con chung*: Có hai con chung: Cháu Lò Thị P; sinh ngày 29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007. Nay ly hôn anh Lò Văn N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng*: Anh Lò Văn N không yêu cầu chị Lò Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Cam đoan không có.

Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn chị Lò Thị B nhiều lần, tuy nhiên Chị Lò Thị B vắng mặt không có lý do. Do vậy không có lời khai của chị Lò Thị B.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 28-6-2021, ngoài những tài liệu, chứng cứ do anh Lò Văn N đã giao nộp và tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, anh Lò Văn N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã tiến hành các thủ tục giao: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho đương sự bị đơn chị Lò Thị B nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật thông qua bố đẻ của chị Lò Thị B (ông Lò Văn P; địa chỉ: Bản NV, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn. Tuy nhiên Chị Lò Thị B không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh ngày 30-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ông Quảng Văn I, trưởng bản – Bản NV, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cho biết: Vợ chồng anh Lò Văn N, chị Lò Thị B đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2003, chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống, đã sống ly thân từ lâu. Anh chị có hai con chung.

Biên bản xác minh ngày 30-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ông Lò Văn P bố đẻ của chị Lò Thị B, địa chỉ: Bản NV, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La cho biết: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn N đã sống ly thân với nhau, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Về con chung chị B, anh N có hai con chung, hiện tại đang sống cùng anh N. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã giao cho ông các văn bản tố tụng của Tòa án và ông cũng đã giao tận tay các văn bản trên cho chị Lò Thị B con gái ông.

Biên bản ghi ý kiến ngày 05-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ý kiến của các cháu Lò Thị P; sinh ngày 29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007 (con chung của anh Lò Văn N, chị Lò Thị B): Nếu bố, mẹ ly hôn nguyện vọng của các cháu là được ở với bố.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lò Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Lò Thị B. Về con chung: Có hai con chung: Cháu Lò Thị P; sinh ngày

29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007. Nay ly hôn anh Lò Văn N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu chị Lò Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Lò Văn N đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lò Thị B đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn N được ly hôn với chị Lò Thị B.

- Về con chung: Giao hai cháu Lò Thị P; sinh ngày 29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007 cho anh Lò Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam đoan không có.

- Về án phí: Anh Lò Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn Anh Lò Văn N yêu cầu xin ly hôn với bị đơn chị Lò Thị B có địa chỉ tại bản NV, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã tiến hành giao các văn bản tố tụng hợp lệ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn chị Lò Thị B không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn N và chị Lò Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 27 tháng 11 năm 2003 đúng theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh Lò Văn N và chị Lò Thị B tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho anh Lò Văn N được ly hôn với chị Lò Thị B. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Có hai con chung: Cháu Lò Thị P; sinh ngày 29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007. Anh Lò Văn N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành, không yêu cầu chị Lò Thị B cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Biên bản ghi ý kiến của các cháu Lò Thị P, Lò Văn T đều có ý kiến: “nêu bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng là được ở với bố”. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, xét thấy anh Lò Văn N có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Do vậy cần giao cả hai cháu Lò Thị P, Lò Văn T cho anh Lò Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành. Anh Lò Văn N không yêu cầu chị Lò Thị B cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn chị Lò Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Anh Lò Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn N được ly hôn với chị Lò Thị B.

2. Về con chung: Anh Lò Văn N, chị Lò Thị B có hai con chung: Cháu Lò Thị P; sinh ngày 29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007.

Giao hai cháu Lò Thị P; sinh ngày 29-6-2005 và cháu Lò Văn T; sinh ngày 23-7-2007 cho anh Lò Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Cam đoan không có.

6. Về án phí: Anh Lò Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2019/0002001, ngày 26 tháng 4 năm 2021.

7. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Lò Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND h.Thuận Châu (2 bản);
- UBND xã BM, h.Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Hương